

VỀ TRÍ THỨC NƯỚC TA HỒI ĐẦU THẾ KỶ XX

GS ĐINH XUÂN LÂM*

Việt Nam là một nước văn hiến từ rất sớm. *Bình Ngô đại cáo* do Nguyễn Trãi viết theo lệnh của Bình Định vương Lê Lợi sau khi chiến thắng quân Minh (năm 1428), ngay từ những dòng đầu đã khẳng định đầy tự hào:

*"Như nước Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu"*

Một nước văn hiến, tức là một nước có thi thư, lễ nghĩa và có nền giáo dục quốc gia thì tất phải đã có tầng lớp sĩ phu, văn thân, tức tầng lớp trí thức dân tộc, đã góp phần đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Vào giai đoạn lịch sử đang phát triển của chế độ phong kiến, tầng lớp trí thức dân tộc này có điều kiện phát triển về số lượng và chất lượng, tạo thành một sức mạnh, một vốn quý của dân tộc, trở thành "nguyên khí của quốc gia". Nhưng bước vào thời kỳ suy vong của chế độ phong kiến - đối chiếu với lịch sử Việt Nam, đó là khoảng thế kỷ XVIII với sự bùng nổ mãnh liệt của phong trào nông dân khởi nghĩa, đỉnh cao là phong trào nông dân Tây Sơn (1771), thì có sự phân hóa ngày càng sâu sắc. Nhân cơ hội Nguyễn Ánh xây dựng lực lượng bên trong, kết hợp với tranh thủ viện trợ của tư bản phương Tây đang trên đường sẵn lòng thuộc địa, để đánh bại triều Tây Sơn, lên ngôi hoàng đế với niên

hiệu là Gia Long, lập ra nhà Nguyễn (1802). Tuy nhiên, cho đến giữa thế kỷ XIX, trong hơn nửa thế kỷ tồn tại của triều Nguyễn, xã hội Việt Nam hầu như không phát triển lên được theo chiều hướng tiến bộ của thời đại, mâu thuẫn xã hội ngày càng thêm sâu sắc làm bùng nổ hàng loạt cuộc khởi nghĩa lớn của nông dân trên phạm vi cả nước, để cuối cùng Việt Nam trở thành đối tượng xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương Tây, trực tiếp là thực dân Pháp.

Để có cơ phát động chiến tranh xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp đã viện dẫn nhiều lý do, như để trả thù việc triều đình Huế không tiếp nhận quốc thư của Pháp, cho rằng như vậy là làm nhục quốc thể Pháp, để bênh vực các giáo sĩ và giáo dân bị triều đình tàn sát, để truyền bá "văn minh" không ngoài mục đích tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của dư luận công giáo ở Pháp và Việt Nam... Nhưng các lý do đó đều không thể che đậy được nguyên nhân sâu xa bên trong của chủ nghĩa tư bản Pháp đang chuyển mạnh lên để quốc chủ nghĩa là sẵn lòng thị trường và căn cứ ở Viễn Đông nhất là ở phía Nam Trung Quốc đông dân, giàu nguyên liệu. Để cuối cùng vào sáng mùng 1-9-1858 tàu chiến Pháp nổ súng tấn công cửa biển Đà Nẵng, rồi thừa thắng cho quân đổ bộ chiếm đóng bán đảo Sơn Trà, mở màn cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam kéo dài tới 38 năm (1858 - 1896) mới hoàn tất.

* Đại học Quốc gia Hà Nội

Sau khi hoàn thành công cuộc chiếm đóng và bình định về quân sự, từ đầu năm 1897 thực dân Pháp đã có điều kiện thuận lợi để bắt tay vào khai thác, bóc lột Việt Nam một cách có hệ thống trên quy mô ngày càng mở rộng. Cuộc khai thác trên quy mô lớn từ đầu thế kỷ XX, xuyên qua hai đợt, thứ nhất (1897-1914) và thứ hai (sau năm 1919), xen vào giữa là 4 năm chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), đã làm cho cơ cấu kinh tế, cũng như cơ cấu xã hội Việt Nam có những biến chuyển quan trọng và rõ rệt. Đáng chú ý là sự xây dựng và phát triển nền giáo dục Pháp - Việt phục vụ cho công cuộc khai thác, bóc lột kinh tế cũng như cho bộ máy cai trị thực dân, đã tạo điều kiện cho tầng lớp tiểu tư sản trí thức - kể cả một số ít "thượng lưu trí thức". Sự xuất hiện tầng lớp trí thức nổi lên hàng đầu ở cả ba kỳ có thể nêu tên Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Trần Chánh Chiểu ở miền Nam; Lương Văn Can, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Trần Trọng Kim, Phan Kế Bính ở miền Bắc; Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Bá Trác, Phan Khôi... ở miền Trung, hình thành hai phái trí thức tân học và cựu học.

Điều đáng chú ý là trí thức thuộc phái cựu học, trong những điều kiện lịch sử mới của "gió Á mưa Âu", họ cũng đã bắt đầu tiếp thu tư tưởng mới và đều hăng hái mang hết khả năng và sở trường của mình đóng góp vào bước tiến của xã hội, của đất nước trong thời đại mới, về chính trị cũng như về kinh tế, văn hóa, xã hội. Đành rằng trong sự kiểm soát, hạn chế của đế quốc Pháp, họ không thể phát huy hết khả năng của mình nhưng khi thời cơ cách mạng tới, họ sẵn sàng và hăng hái ra đóng góp tài sức cho cách mạng. Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, chính quyền cách mạng đã chú ý thu hút những trí thức tiêu biểu. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tập hợp, đào tạo, tìm kiếm, thu hút và

trọng dụng người tài. Ngày 20-11-1946, chỉ hơn một năm sau Cách mạng tháng Tám thành công, Người đã đăng tin "*Tìm người tài đức*" để làm việc có lợi cho dân, cho nước. Cho nên lúc đó, một hiện tượng vô cùng phấn khởi là trong bộ máy chính quyền cách mạng từ những ngày đầu xây dựng, đã có mặt đông đảo những trí thức tiêu biểu, như Nguyễn Văn Tố, Phan Anh, Tạ Quang Bửu, Nguyễn Văn Huyền, Vũ Đình Hòe, Nguyễn Mạnh Tường, Nguyễn Như Kon Tum, v.v... Rồi những trí thức lớn từ nước ngoài về nước đảm nhiệm những trọng trách của cách mạng như Trần Đại Nghĩa, Trần Hữu Tước, Trần Đức Thảo, Hoàng Xuân Nhị, Phạm Huy Thông...

Di sản tư tưởng quý báu của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp nối và ra sức phát huy, phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ mới. Đại hội X của Đảng khẳng định và làm rõ quan điểm: "Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"¹.

Ngày 6-8-2008, Hội nghị Trung ương 7 (Khóa X) ra Nghị quyết 27-NQ/TW, *Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Rõ ràng là yêu cầu đối với đội ngũ trí thức - một bộ phận quan trọng trong lực lượng lao động mà nguồn đông nhất là nông dân và công nhân- cần được xây dựng mạnh để có khả năng đảm nhiệm một cách xứng đáng các nhiệm vụ trọng đại trong thời kỳ mới của lịch sử dân tộc.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, CTQG, H. 2006, tr. 116.